

Bản án số: 111/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2018
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

Ông Trịnh Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang:
Bà Lê Mai Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 182/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Huỳnh N, sinh năm 1988. (có mặt)

Cư trú tại: Ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Huỳnh N trình bày: Bà và ông T chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn 213/KH, quyển số I/2007 do UBND thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 26/9/2007. Hôn nhân do mai mối và có tìm hiểu nhau. Vợ chồng sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chồng bất hòa với cha mẹ vợ, vợ chồng không thống nhất trong việc làm ăn, vấn đề tiền bạc, chồng thường nhậu và có hành vi đánh vợ. Vợ chồng không còn sống chung ngày 22/5/2017 đến nay không tới lui thăm nhau. Gia đình hai bên có dàn xếp nhưng không có

kết quả. Nay nhận thấy tình cảm không còn, yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Trần Thị Huỳnh A, sinh ngày 12/9/2005 và Trần Minh Quốc A1, sinh ngày 02/5/2010. Hiện các cháu Huỳnh A và cháu Quốc A1 đang sống chung với bà N. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ ông Trần Thanh T đến Tòa án để tham gia phiên họp về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Bà N và ông T có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo bà N trình bày: Vợ chồng sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không đồng thuận trong việc làm kinh tế gia đình, ông T thường xuyên uống rượu và có hành vi đánh bà N, ly thân từ ngày 22/5/2017 đến nay. Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến phản hồi cho thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng, nếu buộc trở lại sống chung cũng không hạnh phúc, nên bà N yêu cầu xin ly hôn với ông T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Huỳnh A, sinh ngày 12/9/2005 và cháu Trần Minh Quốc A1, sinh ngày 02/5/2010. Hiện các cháu đang sống chung với bà N, khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Xét thấy, hiện tại cháu Huỳnh A và cháu Quốc A1 đang được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, bà N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và nguyện vọng của 02 cháu là được sống với mẹ. Vì vậy, nghĩ nên để bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Trần Thị Huỳnh N khởi kiện ông Trần Thanh T, ông T cư trú Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2]. Về hôn nhân: Bà N và ông T sống chung với nhau vào năm 2004 có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp. Quá trình chung sống do ông, bà bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, gia đình hai bên có tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Bà N và ông T không còn sống chung từ tháng 5 năm 2017 đến nay không tới lui thăm nhau, vợ chồng không quan tâm lẫn nhau, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa bà N và ông T không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà N xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Huỳnh A, sinh ngày 12/9/2005 và cháu Trần Minh Quốc A1, sinh ngày 02/5/2010. Hiện các cháu đang sống chung với bà N. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện cháu Huỳnh A và cháu Quốc A1 sống ổn định với bà N đang được đi học và vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, cháu Huỳnh A và cháu Quốc A1 có nguyện vọng được sống với bà N. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Huỳnh A và cháu Quốc A1 cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Theo quy định pháp luật, khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương cơ sở do Nhà nước quy định đối với một người con chưa thành niên. Căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N. Buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh A và

cháu Quốc A1 mỗi cháu mỗi tháng 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi hai con chung thành niên.

[5]. *Về tài sản chung*: Bà N không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[6]. *Về nợ chung*: Bà N không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà N, ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Huỳnh N.

- *Về hôn nhân*: Bà Trần Thị Huỳnh N được ly hôn với ông Trần Thanh T.

- *Về con chung*: Bà Trần Thị Huỳnh N được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Thị Huỳnh A, sinh ngày 12/9/2005 và Trần Minh Quốc A1, sinh ngày 02/5/2010. Hiện các cháu đang sống chung với bà N.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông Trần Thanh Trung có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu mỗi tháng 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi hai con chung thành niên.

Bà N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- *Về án phí*:

Bà Trần Thị Huỳnh N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019365 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C

Ông Trần Thanh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015.

Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND thị trấn A;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tới